

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bảo Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan;

Bà Vương Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 18 tháng 2 năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên say xỉn và chửi bới vợ con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình

trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thị H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 và Lê Thị Diệu L, sinh ngày 03/3/2015. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao 02 cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo bản tự khai của bị đơn là anh Lê Văn Đ trình bày:*

Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 1/2/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 và Lê Thị Diệu L, sinh ngày 03/3/2015. Do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu phân chia con chung.

Về tài sản chung và công nợ: anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày **13/5/2025** tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H thể hiện: chị Lê Thị H và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 18/02/2011. Sau khi kết hôn, chị H và anh Đ chung sống tại thôn C, xã H, huyện H cùng với bố mẹ đẻ của anh Đ. Anh chị có 02 con chung là Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 và Lê Thị Diệu L, sinh ngày 03/3/2015. Việc chị H và anh Đ có mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm bắt được cụ thể do không có báo cáo từ công dân. Hiện anh Lê Văn Đ và chị Lê Thị H là công dân có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh Đ vắng mặt nên không thể hiện ý kiến tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng nhưng bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ đương sự. Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Về

con: giao cháu Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 03/3/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Lê Văn Đ nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh Lê Văn Đ có xác nhận thông tin về cư trú tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn là chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 17/6/2025, bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa tới anh Đ. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ vắng mặt không lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 12 ngày 18 tháng 2 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ say xỉn, suốt ngày chửi bới vợ con, chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Đ trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân bắt nguồn từ tình cảm tự nguyện của hai bên và bền chặt được cũng dựa trên sự tồn tại của cảm xúc, tình cảm tự nguyện từ hai phía, một trong hai bên dù có quyết tâm, tình cảm đến đâu mà phía còn lại không còn, không tự nguyện đều không đạt được mục đích của hôn nhân là sự chia sẻ, cảm

thông, hòa hợp và hạnh phúc. Chị H đưa ra nhiều nội dung về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn và xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Chị H khẳng định không còn tình cảm với anh Đ và xin được ly hôn. Mặt khác, dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa mặc dù trước đó anh có khai là vẫn còn tình cảm với chị H và muốn hàn gắn như vậy cũng có thể xác định anh Đ cũng bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 (hai) con chung là Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 và Lê Thị Diệu L, sinh ngày 03/3/2015. Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai, anh Đ không đồng ý ly hôn nên không tranh chấp về việc nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2025, Cháu H1 và cháu L có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Hiện 02 cháu đang sinh sống và học tập tại xã H.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của chị H mong muốn được nuôi cháu D và cháu L. Tuy nhiên, sau khi ly hôn cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ, sự trình bày của các đương sự và nguyện vọng của các cháu. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Lê Thị Diệu H1 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Diệu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này anh Đ, chị H nhận thấy hai bên không có đủ điều kiện nuôi con chung thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Lê Thị Diệu H1, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 28/12/2015.

Ly hôn, giao cháu Lê Thị Diệu H1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Thị Diệu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000401, ngày 25 tháng 4 năm 2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H, H. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Bảo Yên